

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 29/04/2021

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Tăng Thị Anh	Nữ	07/09/2004	Nghệ An	5.7	5.5	1970/QĐ261/2021	TH002004	
2	Nguyễn Như Quỳnh Anh	Nữ	25/06/2004	Nghệ An	6.3	5.0	1971/QĐ261/2021	TH002005	
3	Nguyễn Công Chiến	Nam	21/02/2002	Nghệ An	5.7	5.5	1972/QĐ261/2021	TH002006	
4	Phạm Minh Chiến	Nam	23/10/2004	Nghệ An	6.0	5.5	1973/QĐ261/2021	TH002007	
5	Nguyễn Văn Cường	Nam	18/10/2004	Nghệ An	6.3	5.5	1974/QĐ261/2021	TH002008	
6	Phan Tuấn Đạt	Nam	14/06/2004	Nghệ An	6.3	6.0	1975/QĐ261/2021	TH002009	
7	Trần Thanh Đoàn	Nam	26/03/2004	Nghệ An	5.7	5.5	1976/QĐ261/2021	TH002010	
8	Trương Anh Đức	Nam	02/11/2003	Nghệ An	6.0	5.0	1977/QĐ261/2021	TH002011	
9	Hồ Hải Đường	Nam	21/07/2004	Nghệ An	5.7	5.5	1978/QĐ261/2021	TH002012	
10	Trương Thị Mỹ Duyên	Nữ	16/09/2004	Nghệ An	6.0	5.5	1979/QĐ261/2021	TH002013	
11	Trương Thị Giang	Nữ	22/11/2004	Nghệ An	5.0	5.0	1980/QĐ261/2021	TH002014	
12	Cao Xuân Giang	Nam	14/12/2004	Nghệ An	6.0	5.0	1981/QĐ261/2021	TH002015	
13	Bùi Văn Hải	Nam	26/12/2004	Nghệ An	5.7	5.5	1982/QĐ261/2021	TH002016	
14	Lê Văn Hải	Nam	11/06/2004	Nghệ An	5.7	5.5	1983/QĐ261/2021	TH002017	
15	Nguyễn Khắc Hiếu	Nam	27/03/2004	Nghệ An	5.7	6.5	1984/QĐ261/2021	TH002018	
16	Lê Văn Hoàn	Nam	30/11/2003	Nghệ An	5.3	5.0	1985/QĐ261/2021	TH002019	
17	Phan Chí Hoàng	Nam	19/12/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1986/QĐ261/2021	TH002020	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
18	Trần Bá Hoàng	Nam	30/09/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1987/QĐ261/2021	TH002021	
19	Đinh Viết Hùng	Nam	18/08/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1988/QĐ261/2021	TH002022	
20	Lê Minh Hưng	Nam	19/09/2004	Nghệ An	6.0	6.0	1989/QĐ261/2021	TH002023	
21	Lô Thành Huy	Nam	01/09/2004	Nghệ An	6.0	6.0	1990/QĐ261/2021	TH002024	
22	Đặng Quang Huy	Nam	25/12/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1991/QĐ261/2021	TH002025	
23	Lê Văn Huy	Nam	30/12/2004	Thừa Thiên Huế	5.7	6.0	1992/QĐ261/2021	TH002026	
24	Phan Văn Huy	Nam	29/09/2004	Nghệ An	6.0	5.0	1993/QĐ261/2021	TH002027	
25	Phan Tuấn Kiệt	Nam	27/09/2004	Nghệ An	6.3	6.5	1994/QĐ261/2021	TH002028	
26	Trương Mạnh Kỳ	Nam	02/07/2004	Nghệ An	6.3	6.0	1995/QĐ261/2021	TH002029	
27	Hồ Hồng Lĩnh	Nam	19/08/2004	Nghệ An	5.3	6.0	1996/QĐ261/2021	TH002030	
28	Vi Văn Lung	Nam	01/09/2004	Nghệ An	5.7	5.5	1997/QĐ261/2021	TH002031	
29	Trương Anh Minh	Nam	20/10/2004	Nghệ An	6.3	5.0	1998/QĐ261/2021	TH002032	
30	Võ Hoài Nam	Nam	20/12/2004	Nghệ An	5.3	5.0	1999/QĐ261/2021	TH002033	
31	Lưu Thị Mỹ Ngân	Nữ	23/03/2004	Nghệ An	5.3	5.5	2000/QĐ261/2021	TH002034	
32	Hồ Thị Ngân	Nữ	22/06/2004	Nghệ An	6.0	5.5	2001/QĐ261/2021	TH002035	
33	Lê Hồng Nguyên	Nam	01/08/2004	Nghệ An	5.3	5.5	2002/QĐ261/2021	TH002036	
34	Ngũ Thị Yến Nhi	Nữ	05/06/2004	Nghệ An	5.7	7.0	2003/QĐ261/2021	TH002037	
35	Lương Văn Phú	Nam	12/10/2004	Nghệ An	5.7	6.0	2004/QĐ261/2021	TH002038	
36	Lê Văn Phúc	Nam	11/02/2004	Nghệ An	6.3	6.0	2005/QĐ261/2021	TH002039	
37	Nguyễn Minh Phương	Nam	01/11/2004	Nghệ An	5.7	6.5	2006/QĐ261/2021	TH002040	
38	Nguyễn Quốc Phương	Nam	01/11/2004	Nghệ An	5.7	5.0	2007/QĐ261/2021	TH002041	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
39	Lục Hồng Quân	Nam	22/09/2004	Nghệ An	6.3	5.0	2008/QĐ261/2021	TH002042	
40	Lê Duy Thái	Nam	19/12/2004	Nghệ An	5.7	5.0	2009/QĐ261/2021	TH002043	
41	Nguyễn Trọng Đức Thắng	Nam	20/07/2004	Nghệ An	6.3	6.5	2010/QĐ261/2021	TH002044	
42	Trần Đức Thắng	Nam	23/06/2004	Nghệ An	5.7	6.0	2011/QĐ261/2021	TH002045	
43	Hoàng Văn Thành	Nam	01/07/2004	Nghệ An	5.0	7.0	2012/QĐ261/2021	TH002046	
44	Hồ Công Thiện	Nam	01/04/2004	Nghệ An	5.7	7.5	2013/QĐ261/2021	TH002047	
45	Hồ Thị Thi	Nữ	23/08/2004	Nghệ An	6.3	5.0	2014/QĐ261/2021	TH002048	
46	Trần Duy Huy Thư	Nam	27/04/2004	Đà Nẵng	5.7	6.5	2015/QĐ261/2021	TH002049	
47	Hồ Thị Thương	Nữ	07/04/2004	Nghệ An	6.0	6.5	2016/QĐ261/2021	TH002050	
48	Trương Đình Toàn	Nam	22/09/2004	Nghệ An	5.7	7.5	2017/QĐ261/2021	TH002051	
49	Trương Văn Trung	Nam	22/10/2003	Nghệ An	6.0	5.5	2018/QĐ261/2021	TH002052	
50	Và Bá Tu	Nam	29/06/2004	Nghệ An	5.7	5.0	2019/QĐ261/2021	TH002053	
51	Cao Văn Tuấn	Nam	14/05/2004	Nghệ An	6.7	6.5	2020/QĐ261/2021	TH002054	
52	Trần Thị Hồng Vân	Nữ	22/09/2004	Nghệ An	5.7	5.5	2021/QĐ261/2021	TH002055	
53	Cao Đình Văn	Nam	03/12/2004	Nghệ An	5.7	5.0	2022/QĐ261/2021	TH002056	
54	Và Bá Xơ	Nam	11/02/2004	Nghệ An	5.3	6.0	2023/QĐ261/2021	TH002057	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

